**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN THUỶ NGUYÊN**
**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/KDTM-ST
Ngày: 19-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Văn Mạnh,

Ông Phạm Văn Sóng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Anh Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và 19 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2018/TLST-KDTM ngày 25 tháng 6 năm 2018 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 9 năm 2018 và Quyết định Tạm ngừng phiên tòa số 08/2018/QĐST-KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Q; địa chỉ trụ sở chính: Số 21 C, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội;

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1984; cư trú tại: Số 6 lô 30A đường L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng (Văn bản uỷ quyền số 1168/UQ-HS ngày 05/5/2017);

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ H; địa chỉ trụ sở chính: Xóm T, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng;

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Anh Trịnh Hải L, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng - Chức vụ: Giám đốc;

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Chị Bùi Thị Kim L, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng (Văn bản uỷ quyền lập ngày 29 tháng 8 năm 2018)

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Trịnh Văn L, sinh năm 1948; địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng;

Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1951; địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng;

Anh Trịnh Hải L, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng;

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Văn L, bà Hoàng Thị H và anh Trịnh Hải L:* Chị Bùi Thị Kim L, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng;

Anh Trịnh Thành C, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng;

Chị Bùi Thị Kim L, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng;

Phòng Công chứng số 4 thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số 62 T, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng;

*Người đại diện hợp pháp của Phòng Công chứng số 4 thành phố Hải Phòng:* Ông Nguyễn Đức Q - Trưởng phòng (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn O, và anh Trịnh Thành C có mặt; chị Bùi Thị Kim L có mặt tại phiên tòa ngày 01 tháng 11 năm 2018, vắng mặt tại phiên tòa ngày 19 tháng 11 năm 2018 và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông Trịnh Văn L, bà Hoàng Thị H, anh Trịnh Hải L và ông Nguyễn Đức Q đều vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn O đều trình bày:

Giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (sau đây viết tắt là Ngân hàng) với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ H (sau đây viết tắt là Công ty) có quan hệ tín dụng bởi 03 hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau: Tại Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 02.11.20029.01/2006/NHQĐ-ĐT/HĐTDTDH ngày 17 tháng 10 năm 2006 (Sau đây viết tắt là Hợp đồng tín dụng số 02) số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty là 1.500.000.000 đồng để mua và sửa chữa tàu Hải Thành 27, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất theo thỏa thuận; Tại Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 158.08.NQHP/TM.80/092990.03 ngày 15 tháng 8 năm 2008 (Sau đây viết tắt là Hợp đồng tín dụng số 03) số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty là 600.000.000 đồng để bổ sung vốn đóng mới tàu Hải Thành 28, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo thỏa thuận; Tại Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 158.08.NQHP/TM.80/092990.05 ngày 18 tháng 8 năm 2008 (Sau đây viết tắt là Hợp đồng tín dụng số 05) số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty là 300.000.000 đồng để bổ sung vốn đóng mới tàu Hải Thành 28, thời hạn vay 12

tháng, lãi suất theo thỏa thuận. Tài sản thế chấp cho các Hợp đồng tín dụng là Tàu biển Hải Thành 27 trọng tải 982 tấn thuộc quyền sở hữu của Công ty và Quyền sử dụng đất diện tích 127,75m$^2$ và các tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 591(1), tờ bản đồ số 02 xã Thủy Đường, huyện Thuỷ Nguyên, được Uỷ ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp cho hộ bà Hoàng Thị H ngày 06 tháng 7 năm 2000, số giấy G 087753, số vào sổ cấp giấy: 00181 QSDĐ/HP-TN-TĐ (sau đây viết tắt là Thửa đất số 591) công chứng tại Phòng công chứng số 4 thành phố Hải Phòng ngày 13 tháng 10 năm 2006 số công chứng 832, Quyển số 04 và Văn bản thỏa thuận sửa đổi hợp đồng thế chấp ngày 07 tháng 10 năm 2010, số công chứng 4054, Quyển số 09.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty đã để nợ quá hạn, vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặc dù đã nhiều lần Ngân hàng yêu cầu trả nhưng vẫn không thực hiện được. Các khoản vay của 03 hợp đồng đã chuyển thành nợ quá hạn; năm 2011 các bên đã thống nhất giải chấp xong Tàu biển Hải Thành 27 để Ngân hàng thu hồi một phần nợ.

Ngân hàng khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu Công ty trả nợ Ngân hàng đến ngày 01 tháng 11 năm 2018 với tổng số tiền của 03 hợp đồng tín dụng là 3.076.150.391 đồng, cụ thể như sau: Nợ của Hợp đồng tín dụng số 02 số tiền là 1.014.747.213 đồng, trong đó nợ gốc là 359.361.171 đồng, nợ lãi quá hạn là 655.386.042 đồng; nợ của Hợp đồng tín dụng số 03 số tiền là 1.446.043.875 đồng, trong đó nợ gốc là 584.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 862.043.875 đồng; nợ của Hợp đồng tín dụng số 05 số tiền là 615.359.303 đồng, trong đó nợ gốc là 242.983.760 đồng, nợ lãi quá hạn là 372.375.543 đồng. Yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 591 trong trường hợp bên vay không trả được nợ.

Đối với số tiền 1.000.000.000 đồng bị đơn nộp ngày 19 tháng 8 năm 2011, sau khi kiểm tra lại hóa đơn chứng từ và văn bản thỏa thuận của hai bên về trả nợ thì số tiền này được Ngân hàng trừ vào tiền nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 02 là 219.511.598 đồng; nay tiền gốc và tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 02 đã giảm tổng số tiền là 510.358.073 đồng (trong đó tiền gốc giảm 219.511.598 đồng, nay chỉ còn 139.849.573 đồng; tiền lãi giảm nay chỉ còn 364.539.467 đồng). Ngân hàng điều chỉnh giảm số tiền khởi kiện của Hợp đồng tín dụng số 02 vì đây là số tiền liên quan đến giải chấp tàu biển bảo đảm cho khoản vay của hợp đồng này và yêu cầu bị đơn còn phải thanh toán tổng số tiền của Hợp đồng tín dụng số 02 là 504.389.140 đồng. Các yêu cầu về số nợ của Hợp đồng tín dụng số 03, số 05 và yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 591 trong trường hợp bên vay không trả được nợ không thay đổi. Toàn bộ số lãi trong hạn của các hợp đồng tín dụng, bị đơn đã thanh toán xong.

Trong Văn bản ngày 29 tháng 8 năm 2018 của người đại diện theo pháp luật cho bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ngày 01 tháng 11 năm 2018 người đại diện hợp pháp của bị đơn đồng ý với những yêu cầu của nguyên đơn về số tiền vay, về tài sản thế chấp và tài sản đã giải chấp như đại diện nguyên đơn trình bày như trên là đúng. Đối với số dư nợ gốc đề nghị đại diện Ngân

hàng kiểm tra lại vì trước đây các bên có văn bản thỏa thuận nếu Công ty nộp 1.000.000.000 đồng trước ngày 25 tháng 8 năm 2011 thì sẽ được trừ vào nợ gốc. Ngày 19 tháng 8 năm 2011 bị đơn nộp đủ số tiền trên và được Ngân hàng thông báo trừ cho hơn 200.000.000 triệu đồng vào nợ gốc. Người đại diện hợp pháp của bị đơn có quan điểm đồng ý trả nợ và đề cho bị đơn trả nợ dần.

Trong Văn bản ngày 07 tháng 8 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị H đồng ý với những lời khai của người đại diện cho nguyên đơn và người đại diện cho bị đơn về việc thế chấp tài sản là Thửa đất số 591 để bảo đảm cho khoản vay của các Hợp đồng tín dụng nêu trên và có quan điểm cho Công ty được trả nợ dần.

Trong Văn bản ngày 29 tháng 8 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trịnh Hải L đồng ý với những lời khai của người đại diện cho nguyên đơn về kí hợp đồng tín dụng. Đối với hợp đồng thế chấp tài sản là Thửa đất số 591 được kí chưa phù hợp pháp luật vì tài sản cấp cho hộ gia đình nhưng anh Trịnh Hải L không kí. Sau này do biết thiếu sót nên Ngân hàng yêu cầu anh đến Phòng công chứng số 4 làm văn bản cam kết Thửa đất số 591 là của ông L và bà H, văn bản lập cùng ngày kí hợp đồng thế chấp là không đúng vì đây là văn bản mục đích hợp pháp hóa hồ sơ, ngày kí hợp đồng thế chấp anh L không có mặt tại Phòng công chứng, nếu có mặt anh đã kí trực tiếp vào hợp đồng thế chấp. Anh L và người đại diện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 832, Quyển số 04 ngày 13 tháng 10 năm 2006 đối với thửa đất số 591 là vô hiệu do anh L là đồng sở hữu chưa ký tên vào hợp đồng; yêu cầu Ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đồng sở hữu sử dụng và phải làm thủ tục xóa đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thủy Nguyên. Không yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại trong trường hợp hợp đồng vô hiệu, nếu có thiệt hại trong trường hợp hợp đồng vô hiệu thì anh L sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác nếu xét thấy cần thiết.

Trong Văn bản ngày 29 tháng 8 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trịnh Thành C đồng ý với những lời khai của người đại diện cho nguyên đơn về kí hợp đồng tín dụng. Đối với hợp đồng thế chấp tài sản là Thửa đất số 591 được kí chưa phù hợp pháp luật vì tài sản cấp cho hộ gia đình nhưng anh Trịnh Thành C không kí vào bên thế chấp mà chỉ kí với tư cách bên vay. Anh C yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 832, Quyển số 04 ngày 13 tháng 10 năm 2006 đối với thửa đất số 591 là vô hiệu do anh và anh L là các đồng sở hữu chưa ký tên vào hợp đồng; yêu cầu Ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đồng sở hữu sử dụng và phải làm thủ tục xóa đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thủy Nguyên. Không yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại trong trường hợp hợp đồng vô hiệu, nếu có thiệt hại trong trường hợp hợp đồng vô hiệu thì anh C sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác nếu xét thấy cần thiết. Đối với số tiền gốc và lãi theo thông báo điều chỉnh giảm của đại diện Ngân hàng tại phiên tòa và được trừ vào nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 02, anh có quan điểm đồng ý.

*Bà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); các điều 122, 323, 342, 343, 471, 474, 715, 721 của Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2005; các điều 117, 466, 500, 502 của BLDS năm 2015; các Điều 91 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Hải Thành phải trả Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 01 tháng 11 năm 2018 là 2.565.792.218 đồng; trong đó nợ gốc 966.833.333 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.598.958.885 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn trên số nợ gốc theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết đến ngày trả hết nợ. Trường hợp Công ty không trả được nợ thì phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 591 để nguyên đơn thu hồi nợ. Công ty phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị Kim L với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện hợp pháp của các đương sự được ủy quyền có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người đại diện hợp pháp của Phòng Công chứng số 4 thành phố Hải Phòng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227 của BLTTDS Toà án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về yêu cầu đòi nợ gốc, lãi của nguyên đơn: Sự thừa nhận của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn về giao kết các Hợp đồng tín dụng, về bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán và về toàn bộ số nợ gốc, lãi còn lại của Hợp đồng tín dụng số 03 và số 05 thuộc trường hợp không phải chứng minh, căn cứ Điều 92 của BLTTDS Tòa án công nhận đó là sự thật. Việc người đại diện cho nguyên đơn điều chỉnh giảm số tiền nợ gốc, lãi của Hợp đồng tín dụng số 02 từ 1.014.747.213 đồng xuống còn 504.389.140 đồng như trình bày ở trên và viện dẫn lý do giảm là có căn cứ. Vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các điều 122, 471 và 474 của BLDS năm 2005, các điều 117, 463 và 466 của BLDS năm 2015.

[3] Về hợp đồng thế chấp Thửa đất số 591 và yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của nguyên đơn: Thửa đất số 591 được cấp cho hộ gia đình bà H gồm bà H, ông L, anh L, anh C. Đây là tài sản chung hợp nhất nên khi kí thế chấp phải được sự đồng ý của các thành viên từ đủ mười lăm tuổi. Tuy Hợp đồng thế chấp số công chứng 832 ngày 13 tháng 10 năm 2006 không có chữ kí của anh L và anh C là các

đồng sở hữu nhưng anh L và anh C đã thống nhất dùng tài sản là Thửa đất số 591 để thế chấp bảo đảm cho khoản vay của Công ty thể hiện tại Biên bản họp cổ đông ngày 08 tháng 9 năm 2006; anh C đã kí với tư cách đại diện Công ty vào Hợp đồng thế chấp; anh L có Bản khai và cam kết ngày 13 tháng 10 năm 2016 được công chứng tại Phòng công chứng số 4 thành phố Hải Phòng khẳng định Thửa đất số 591 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông L và bà H nên ông L và bà H có toàn quyền sở hữu, sử dụng tài sản đó; mặt khác, cổ đông của Công ty đều là các thành viên trong gia đình có quan hệ hôn nhân, huyết thống. Vậy đủ căn cứ khẳng định anh L và anh C biết việc thế chấp và đồng ý dùng Thửa đất số 591 để thế chấp cho khoản vay của Công ty. Với phân tích đủ căn cứ xác định Hợp đồng thế chấp số công chứng 832 ngày 13 tháng 10 năm 2006 quyển số 04 được lập tại Phòng công chứng số 4 thành phố Hải Phòng, được đăng kí giao dịch bảo đảm là hợp pháp phù hợp với các điều 323, 343, 355, 715 và 721 của BLDS năm 2005; Các điều 298, 299, khoản 1 Điều 325, các điều 500 và 502 của BLDS năm 2015; Luật đất đai năm 2003; Luật đất đai năm 2013; các điều 91 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng. Nay Ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 591 trong trường hợp bên vay không trả được nợ là có căn cứ chấp nhận. Về hiện trạng các tài sản thế chấp đã được xem xét, thẩm định tại chỗ và không thay đổi so với thời điểm thế chấp.

[4] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nghĩa vụ trả nợ được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh, thương mại với mức thu là 83.316.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 30, 35, 91, 92, 97, 147 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 122, 323, 343, 355, 471, 474, 715 và 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 117, 298, 299, 463, 466, 500 và 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật đất đai năm 2003; Luật đất đai năm 2013; các điều 91 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ H phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tính đến ngày 01 tháng 11 năm 2018 với tổng số tiền là 2.565.792.218 (Hai tỷ, năm trăm sáu mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm mười tám đồng); trong đó: Nợ của Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 02.11.20029.01/2006/NHQĐ-ĐT/HĐTDTDH ngày 17 tháng 10 năm 2006 là 504.389.140 đồng (nợ gốc 139.849.573 đồng, nợ lãi quá hạn 364.539.467 đồng); Nợ của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 158.08.NQHP/TM.80/092990.03 ngày 15 tháng 8 năm 2008 là 1.446.043.875 đồng (nợ gốc 584.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn 862.043.875 đồng); Nợ của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số

158.08.NQHP/TM.80/092990.05 ngày 18 tháng 8 năm 2008 là 615.359.303 đồng (nợ gốc 242.983.760 đồng, nợ lãi quá hạn 372.375.543 đồng).

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2018 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ H không trả được nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có quyền yêu cầu phát mại tài sản đã thế chấp sau đây để thu hồi nợ: Quyền sử dụng đất diện tích 127,75m$^2$ và các tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 591[(1)], tờ bản đồ số 02 xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng đứng tên chủ sử dụng là hộ bà Hoàng Thị H, được Uỷ ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận số G 087753 ngày 06 tháng 7 năm 2000, số vào sổ cấp giấy: 00181 QSDĐ/HP-TN-TĐ.

3. Về án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ H phải nộp 83.316.000 (Tám mươi ba triệu, ba trăm mười sáu nghìn đồng) án phí kinh doanh, thương mại. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền 43.700.000 (Bốn mươi ba triệu, bảy trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, biên lai số 0009128 ngày 25 tháng 6 năm 2018.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Văn Dũng**